| | |
|---|---|
| **TOÀ PHÚC THẨM**<br>**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**<br>**TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **123**/2026/HS- PT
Ngày: 23/3/2026

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phùng Anh Dũng.**

*Các thẩm phán:* Ông **Lê Văn Thường** và ông **Đinh Phước Hoà.**

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông **Đoàn Minh Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 289/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn V về tội *"Buôn lậu"*. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2025/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

**1.** NGUYỄN THỊ TUYẾT M - Sinh ngày 10/10/1982, tại tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An (nay là Ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh); trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Buôn bán; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn P (Đã chết) và con bà Trà Thị M1, sinh năm 1958; có chồng là Nguyễn Minh L1, sinh năm 1980 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 13/7/2016, bị UBND tỉnh L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi kinh doanh hàng cấm là thuốc lá điếu nhập lậu (Quyết định số 2864/QĐ-CPVPHC), bị cáo chưa chấp hành quyết định; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 15/12/2024 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, có mặt tại phiên toà.

**2.** NGUYỄN VĂN V - Sinh ngày 20/6/1975, tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 249/44/4/7 V, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là 249/44/4/7 V, phường P, thành phố Hồ Chí Minh); trình độ học vấn: 6/12; nghề

nghiệp: Tài xế; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T (Đã chết) và con bà Thái Thị C, sinh năm 1949; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 31/10/2024 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, có mặt tại phiên toà.

**** Người bào chữa:***

***- Người bào chữa cho bị cáo*** Nguyễn Thị Tuyết M ***theo yêu cầu của bị cáo:*** Luật sư Lê Bình D - Văn phòng luật sư Lê Bình D và Luật sư Nguyễn Phúc D1 - Văn phòng luật sư Nguyễn T1 - HG, cùng thuộc Đoàn luật sư thành phố C; địa chỉ: Khu V, phường L, thành phố Cần Thơ. Luật sư D, luật sư D1 có mặt tại phiên toà.

***- Người bào chữa cho bị cáo*** Nguyễn Văn V ***theo yêu cầu của bị cáo:*** Luật sư Nguyễn Thế T2, Luật sư Nguyễn Hoàng T3, Luật sư Nguyễn Thế H và Luật sư M Lâm P1 – Công ty L6, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số A T, phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số A T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Luật sư T2 và Luật sư H có mặt, Luật sư T3 và Luật sư P1 vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Vũ Ngọc T4, Hà Mạnh D2, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Ngọc T4 kinh doanh vật tư nông nghiệp tại thôn Đ, xã I, tỉnh Đắk Lắk, được Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 40C8003095, đăng ký lần đầu ngày 11/05/2023, ngành nghề kinh doanh: Mua, bán nông sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, khí dầu mỏ hóa lỏng. Quá trình kinh doanh mặt hàng thuốc bảo vệ thực vật (thuốc BVTV) có nhiều người dân hỏi mua các dòng sản phẩm thuốc BVTV chứa hoạt chất Glyphosate, 2.4D, Paraquat, là các sản phẩm không được phép sản xuất, nhập khẩu từ tháng 4/2019, không được buôn bán, sử dụng tại Việt Nam từ tháng 4/2020. Do nhu cầu sử dụng trong dân cao, Vũ Ngọc T4 nảy sinh ý định kinh doanh các sản phẩm thuốc BVTV nêu trên. Tìm kiếm thông tin trên mạng Internet, T4 biết tại Campuchia các sản phẩm trên vẫn được sản xuất, lưu hành, T4 đã sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook do T4 đăng ký tên "Vũ Ngọc T4" làm quen với người đàn ông tên "Soạn" (không rõ nhân thân, lai lịch), sinh sống tại Campuchia, sử dụng tài khoản tên "Lim Kim S" đăng bài viết nội dung quảng cáo bán thuốc BVTV nhãn hiệu Niphosate, G. Từ ngày 29/5/2024 đến ngày 10/9/2024, T4 đã liên hệ mua thuốc BVTV của ông S1 12 lần, tổng số lượng 190 thùng thuốc BVTV với tổng số tiền đã thanh toán chuyển khoản đến các số tài khoản do ông S1 cung

cấp là: 253.424.800 đồng. Toàn bộ số tiền trên T4 thanh toán bằng hình thức chuyển từ tài khoản ngân hàng E, mở tại Ngân hàng N2 Chi nhánh huyện E đứng tên Vũ Ngọc T4 đến 03 số tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản số 5907205471228, mở tại Ngân hàng A, tên Phùng Thị Trúc L2; Tài khoản số 985926056, mở tại Ngân hàng TMCP Q1, tên Trần Thị Ngọc T5; Tài khoản số 1038689396, mở tại Ngân hàng TMCP N3, tên Lâm Bích T6 do ông "Soạn" cung cấp. Vào ngày 11/9/2024, ông Hoàng Gia Kiều T7 là tài xế nhà xe L7, địa chỉ tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk điều khiển xe ô tô 47H-012.84 chở 25 thùng thuốc BVTV (có nguồn gốc do T4 mua của ông S1 tại Campuchia) đến giao cho T4 tại nhà bà Vũ Thị N (là mẹ của T4) thì bị Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đ kiểm tra, tạm giữ phương tiện cùng toàn bộ số hàng hóa nêu trên. Mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ 19 thùng thuốc BVTV mà T4 đã bán cho Lương Đức H1 (chủ chủ cửa hàng Hợp Sinh), Vũ Thanh T8 (chủ cửa hàng T16), Lữ Vũ P2, Ngô Quang K, Hoàng Chàn K1.

Ngoài T4 liên hệ mua thuốc BVTV với ông S1, quá trình điều tra xác định còn có Nguyễn Văn Đ, Trần Hữu T9, Võ Hồng T10, Bùi Văn H2, Châu Ngọc L3, Lương Đức H1 liên hệ mua thuốc BVTV với ông S1 cụ thể như sau:

- Vào cuối năm 2023, Nguyễn Văn Đ liên hệ với ông S1 để mua thuốc BVTV, để bán kiếm lời. Sau các lần mua thuốc BVTV của ông S1, Đinh thuê Nguyễn Thị Tuyết M vận chuyển về đến thành phố Hồ Chí Minh và được V gửi qua chành xe từ thành phố Hồ Chí Minh đến tỉnh Kon Tum để Đinh nhận. Quá trình điều tra xác định từ ngày 16/5/2024 đến ngày 19/8/2024, Đ đã liên hệ mua thuốc BVTV của ông S1 tổng số 08 lần với tổng số 225 thùng thuốc BVTV (Trong đó gồm: 132 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Niphosate 900, 20 thùng Niphosate 4,5lít, 05 thùng Tiphosate 900, 30 thùng Nova 900, 01 thùng Ni 4,5, 05 thùng HA, 25 thùng Ni 2.4D, 05 thùng Vif Fosate, 02 thùng Z), với tổng số tiền đã thanh toán chuyển khoản đến các số tài khoản do ông S1 cung cấp là: 280.725.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên Đinh thanh toán bằng hình thức chuyển từ tài khoản Ngân hàng C1 mở tại Ngân hàng V2 – Chi nhánh thành phố K, tỉnh Kon Tum và tài khoản ngân hàng D3 mở tại Ngân hàng S3 – Chi nhánh thành phố K, tỉnh Kon Tum đứng tên Nguyễn Văn Đ đến 03 số tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản số 5907205471228, mở tại Ngân hàng A, tên Phùng Thị Trúc L2; Tài khoản số 985926056, mở tại Ngân hàng TMCP Q1, tên Trần Thị Ngọc T5; Tài khoản số 1038689396, mở tại Ngân hàng TMCP N3, tên Lâm Bích T6 do ông "Soạn" cung cấp.

- Vào tháng 11/2023, Trần Hữu T9 lên mạng xã hội làm quen với ông S1 (sử dụng facebook tên Lim Kim S) để hỏi mua thuốc BVTV có nguồn gốc tại Campuchia, ông S1 yêu cầu mua số lượng từ 200 thùng thì ông S1 mới bán nên T9 không giao dịch mua. Tuy nhiên, T9 quen biết với một người tên H3 (không

rõ nhân thân, lai lịch, sử dụng số điện thoại 0378.113.936) là nhân viên sale phân bón, thuốc BVTV nên H3 nhờ T9 giới thiệu ông S1 cho H3 để H3 mua thuốc BVTV từ ông S1 (việc H3 thỏa thuận mua như thế nào thì T9 không nắm rõ), sau đó từ tháng 11/2023 đến cuối tháng 5/2024, H3 nhiều lần nhờ T9 chuyển tiền đến số tài khoản của người nhận tên Phùng Thị Trúc L2, Trần Thị Ngọc T5, Lâm Bích T6, Nguyễn Thị Tuyết M. Đến cuối tháng 5/2024, H3 đi khỏi tỉnh Khánh Hòa (không rõ đi đâu) nên giới thiệu T9 với các cá nhân có nhu cầu mua thuốc BVTV có nguồn gốc Campuchia nên T9 liên hệ trực tiếp với ông S1 để mua thuốc BVTV và H3 để lại số điện thoại 0378.113.936 đã đăng ký tên zalo "Văn Huy" để T9 sử dụng liên lạc với Nguyễn Thị Tuyết M để thuê vận chuyển thuốc BVTV từ Campuchia về thành phố Hồ Chí Minh và liên lạc với Nguyễn Văn V nhận thuốc BVTV sau khi V gửi qua chành xe về tỉnh Khánh Hòa cho T9 nhận. Từ ngày 10/6/2024 đến ngày 06/9/2024, T9 đã mua thuốc BVTV của ông S1 10 lần với tổng số 249 thùng và 03 bao thuốc BVTV (bao gồm: 93 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Niphosate 900, 31 thùng Niphosate 4,5L, 49 thùng Deco 600, 10 thùng Ni 2.4D, 08 thùng Deco Acepat, 05 thùng Lyphoxim, 02 thùng Fipronil 400, 05 thùng Sedana 2.4D, 35 thùng VifFosat 4,5L, 01 thùng Gent 1,6, 10 thùng Zico 600, 03 bao L), với tổng số tiền đã thanh toán chuyển khoản đến các số tài khoản do ông S1 cung cấp là: 369.253.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên T9 thanh toán bằng hình thức chuyển từ tài khoản ngân hàng A1 mở tại Ngân hàng V3 – Chi nhánh thành phố T, tỉnh Thừa Thiên Huế đứng tên Trần Hữu T9 đến 03 số tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản số 5907205471228, mở tại Ngân hàng A, tên Phùng Thị Trúc L2; Tài khoản số 985926056, mở tại Ngân hàng TMCP Q1, tên Trần Thị Ngọc T5; Tài khoản số 1038689396, mở tại Ngân hàng TMCP N3, tên Lâm Bích T6 do ông "Soạn" cung cấp. Tất cả 10 lần trên T9 đều thuê Nguyễn Thị Tuyết M vận chuyển về đến thành phố Hồ Chí Minh và được Nguyễn Văn V vận chuyển đi gửi qua chành xe về đến tỉnh Khánh Hòa cho T9 nhận.

- Từ tháng 06/2024 đến ngày 05/9/2024, Võ Hồng T10 liên hệ mua thuốc BVTV của ông S1 tại Campuchia tổng số 05 lần, sau đó qua sự giới thiệu của ông S1 nên thuê Nguyễn Thị Tuyết M vận chuyển về đến thành phố Hồ Chí Minh và được Nguyễn Văn V liên hệ để thông báo gửi qua chành xe Xuân Hoa về tỉnh Bình Định để T10 nhận bán lại kiếm lời. Quá trình thanh toán tiền mua thuốc BVTV cho ông S1 và tiền cước vận chuyển cho M thì T10 nhờ người khác chuyển đến số tài khoản mà ông S1 và M cung cấp (không nhớ rõ nhân thân, lai lịch của người nhờ chuyển tiền). Đối với lần gần nhất là ngày 05/9/2024, T10 mua số lượng 15 thùng thuốc BVTV (gồm: 04 thùng nhãn hiệu LYPHO DECO 48SL, 03 thùng nhãn hiệu Deco 600SL, 05 thùng nhãn hiệu Nova Weeds off king, 03 thùng nhãn hiệu V-Fire 720SL), đã nhờ người khác (không nhớ rõ nhân thân, lai lịch) thanh toán tiền cho ông S1 với số tiền 28.500.000 đồng. Tuy nhiên do Nguyễn Thị Tuyết M bị cơ quan Công an bắt giữ nên T10 chưa nhận được 15 thùng thuốc

BVTV trên, ngày 14/9/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ 15 thùng thuốc BVTV trên khi Nguyễn Văn V đang vận chuyển đi gửi về tỉnh Bình Định cho T10.

- Từ tháng 05/2024 đến tháng 9/2024, Bùi Văn H2 khai nhận đã mua 15 lần mua thuốc BVTV từ ông S1, tuy nhiên căn cứ tài liệu thu thập được đã làm rõ được 03 lần với tổng số 85 thùng thuốc BVTV (gồm: 20 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Niphosate 4,5 lít, 10 thùng G Seven 600, 13 thùng Lyphoxim, 10 thùng Grasara 4,5lít, 12 thùng Lyphosate 900, 17 thùng G Seven 4,5lít, 03 thùng Tiphosate 4,5lít). Tổng số tiền đã thanh toán đối với 03 lần mua 85 thùng thuốc BVTV được H2 chuyển khoản đến các số tài khoản do ông S1 cung cấp là: 127.518.600 đồng. Toàn bộ số tiền trên H2 thanh toán bằng hình thức chuyển từ tài khoản ngân hàng E1 mở tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh Đ1, tỉnh Bình Phước đứng tên Bùi Văn H2 đến 02 số tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản số 5907205471228, mở tại Ngân hàng A, tên Phùng Thị Trúc L2; Tài khoản số 985926056, mở tại Ngân hàng TMCP Q1, tên Trần Thị Ngọc T5 do ông "Soạn" cung cấp. Tất cả 03 lần trên H2 đều thuê Nguyễn Thị Tuyết M vận chuyển về đến thành phố Hồ Chí Minh và được Nguyễn Văn V vận chuyển đi gửi qua chành xe về đến tỉnh Bình Phước cho H2 nhận.

- Từ tháng 05/2024 đến tháng 8/2024, Châu Ngọc L3 mua thuốc BVTV của ông S1 06 lần nhưng không nhớ rõ tên thuốc BVTV, số lượng đã mua theo từng lần. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra chứng minh được vào ngày 14/6/2024, L3 mua tổng số 11 thùng thuốc BVTV của ông S1 (gồm: 06 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Carben HA, 04 thùng Acepal Nileda, 01 thùng Vi Carben 1L). Đối với lần mua này L3 sử dụng số tài khoản 1900206318504 mở tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh tỉnh T chuyển số tiền 79.178.000 đồng đến tài khoản số 5907205471228, mở tại Ngân hàng A, tên Phùng Thị Trúc L2, để thanh toán cho ông S1 và sau đó thuê Nguyễn Thị Tuyết M vận chuyển về Việt Nam và được Nguyễn Văn V chở đi gửi qua chành xe đến tỉnh Đồng Nai để L3 nhận (L3 không nhớ rõ đơn vị vận tải nào giao hàng cho L3).

- Đối với Lương Đức H1**:** Ngoài mua 10 thùng thuốc BVTV của Vũ Ngọc T4 thì H1 được người đàn ông tên Q (không nhớ rõ nhân thân, lai lịch, quen biết trong quá trình ông Q đến mua tạp hóa tại nhà ông H1, chỉ liên lạc với nhau qua zalo nhưng tài khoản đã bị mất không còn dữ liệu liên lạc) nhờ mua tổng số 20 thùng thuốc BVTV (15 thùng Niphosate 4,5lít và 05 thùng Niphosate 900ml) của ông S1 tại Campuchia vào các ngày 14/6/2024 và ngày 05/9/2024. Sau khi thỏa thuận giá mua bán thì H1 cung cấp số điện thoại 0984.808.099 cho ông S1 để S1 giới thiệu Nguyễn Thị Tuyết M nhận vận chuyển thuốc BVTV cho H1 từ Campuchia về thành phố Hồ Chí Minh, sau đó H1 sẽ tự đến lấy thuốc BVTV. Quá trình mua thuốc BVTV thì H1 tự liên lạc với S1 và M, còn việc thanh toán tiền do

người đàn ông tên Q thực hiện chuyển khoản đến các số tài khoản ngân hàng do ông S1 cung cấp cho để thanh toán tiền mua thuốc BVTV và số tài khoản ngân hàng do M cung cấp để trả tiền cước vận chuyển, H1 yêu cầu ông Q khi chuyển tiền trả tiền mua thuốc BVTV cho ông S1 và trả tiền cước vận chuyển cho M thì phải ghi rõ nội dung thể hiện có tên H1 để ông S1 và M biết là H1 đã thanh toán tiền. Quá trình điều tra xác định tài khoản ngân hàng số 0938470000, mở tại Ngân hàng TMCP Q2 - Chi nhánh tỉnh Đ, chủ tài khoản là ông Đặng Minh H4. Quá trình làm việc, H4 khai nhận vào thời gian đầu tháng 9/2024, H4 mua nông sản tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk thì được một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch nhờ chuyển tiền 02 lần, trong đó: lần 01 chuyển số tiền 12.597.000 đồng đến số tài khoản 985926056, tên người nhận Trần Thị Ngọc T5; lần 02 chuyển số tiền 3.618.000 đồng đến số tài khoản 070094571985, tên người nhận Nguyễn Thị Tuyết M. Tài khoản ngân hàng số 7878345678, mở tại Ngân hàng TMCP T17 – Chi nhánh Đ, chủ tài khoản là ông Vũ Trọng H5. Quá trình làm việc, H5 khai nhận vào thời gian đầu tháng 7/2024, H5 đi mua đất tại xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thì được một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch nhờ chuyển tiền 01 lần với số tiền 3.790.000 đồng đến số tài khoản nhận 070094571985, tên người nhận Nguyễn Thị Tuyết M.

* Để vận chuyển thuốc BVTV đến người mua ở Việt Nam thì ông S1 đã giới thiệu cho người mua với Nguyễn Thị Tuyết M để vận chuyển thuốc BVTV từ Campuchia về Việt Nam. Cụ thể như sau: Nguyễn Thị Tuyết M là chủ chành xe Bung H tại A T, ấp B, xã T, thành phố Hồ Chí Minh do M mua lại của ông Bung H6 là người quốc tịch Campuchia từ tháng 10/2023 để vận chuyển hàng hóa là đồ thiết bị điện tử, bát, đĩa sứ, quần áo cũ, nước giặt,…từ Campuchia về Việt Nam và ngược lại. Quá trình kinh doanh M không đăng ký giấy phép kinh doanh đối với ngành nghề vận tải hàng hóa. Do M không thường xuyên có mặt tại chành xe Bung H nên M đã thỏa thuận thuê Nguyễn Văn V trực tiếp thay M nhận hàng hóa được các xe vận chuyển từ Campuchia về đến chành xe của M, sau đó V tự phân loại hàng hóa theo danh sách M cung cấp rồi vận chuyển tiếp đi giao cho các khách hàng của M và thỏa thuận trả tiền công cho V từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng/chuyến tùy theo chuyến có quãng đường vận chuyển ngắn hay dài trong nội thành thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình được M thuê thì V sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 51C-731.70 của V làm phương tiện vận chuyển. M nhận vận chuyển thuốc BVTV từ Campuchia cho khách thông qua sự giới thiệu của ông S1 (toàn bộ khách đều mua thuốc BVTV của ông S1) về Việt Nam nhưng do không có phương tiện vận tải, không có kho tiếp nhận, không quen biết với lực lượng chức năng tại Campuchia nên M đã liên kết thuê người đàn ông tên H7 (là người quốc tịch Campuchia, sinh sống tại Campuchia), khi M có khách thuê vận chuyển hàng hóa tại Campuchia thì M báo với khách đưa hàng đến kho của H7 thuộc khu vực cầu S, thành phố P, Campuchia để H7 nhận và vận chuyển về thành

phố Hồ Chí Minh cho M, thỏa thuận giá cước 13.000 đồng/kg, M báo với khách là 14.000 đồng/kg để hưởng chênh lệch 1.000 đồng/kg. Từ tháng 5/2024 đến tháng 9/2024 toàn bộ thuốc BVTV của Vũ Ngọc T4, Nguyễn Văn Đ, Trần Hữu T9, Võ Hồng T10, Bùi Văn H2, Lương Đức H1, Châu Ngọc L3 và các cá nhân tên T11, T12, H8, N1, T13, D1, H3, L4 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được vận chuyển từ Campuchia về đến chành xe Bung H tại thành phố Hồ Chí Minh đều được M thuê V tiếp nhận và đi gửi qua các chành xe về các tỉnh để các cá nhân trên nhận. Quá trình đi gửi thì M cung cấp số điện thoại của các cá nhân nêu trên cho V để V kết bạn zalo trao đổi, gửi hình ảnh biên nhận hàng hóa của các nhà xe với mục đích thông báo cho các cá nhân nêu trên biết đã gửi hàng để chuyển tiền cước vận chuyển cho M đến số tài khoản ngân hàng G1 tại Ngân hàng S3 Chi nhánh T18 - Đồng Tháp, tên Nguyễn Thị Tuyết M. Tuy nhiên, từ đầu tháng 8/2024, M trả mặt bằng và báo với H7 là không làm chành xe Bung H nữa nên H7 trao đổi với M là hàng hóa của M bao gồm cả thuốc BVTV sẽ được H7 cho tài xế chở đến kho của Trần Quang T14 tại địa chỉ: số B, ấp A, xã B, thành phố Hồ Chí Minh, nên sau đó M thỏa thuận với V khi có thuốc BVTV được vận chuyển từ Campuchia về đến kho của T14 thì V đến nhận và vận chuyển tiếp đi gửi qua các chành xe đến các tỉnh cho khách của M để V nhận tiền công vận chuyển từ M. Trong tháng 8/2024 và ngày 14/9/2024, V trực tiếp đến gặp Phạm Duy K2 (là người được T14 thuê quản lý kho hàng) để nhận thuốc BVTV cho M 02 lần đối với thuốc BVTV của Vũ Ngọc T4. Sau khi thuốc BVTV về đến chành xe của T14 tại thành phố Hồ Chí Minh thì V sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 51C-731.70 của V để vận chuyển thuốc BVTV đi gửi qua chành xe Nhung tại phường P, thành phố Hồ Chí Minh (chủ chành xe là bà Phan Trần Thị Phượng L5) về tỉnh Đắk Lắk cho T4. Sau đó, T4 thuê ông Nguyễn Tấn H9 (là chủ nhà xe L7) vận chuyển từ phường B đến xã E, tỉnh Đắk Lắk. Tổng cộng, T4 đã thuê M vận chuyển thuốc BVTV tổng 12 lần nhưng do mới nhận hàng được 11 lần nên T4 đã chuyển tiền cước vận chuyển 11 lần từ số tài khoản 5212205030516, mở tại Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện E đứng tên Vũ Ngọc T4 đến số tài khoản 070094571985 tại Ngân hàng S3 - Chi nhánh T18 - Đồng Tháp, tên Nguyễn Thị Tuyết M với tổng số tiền 54.560.000 đồng.

Ngoài ra, T4 khai nhận ngày 08/9/2024 đã đặt mua 10 thùng thuốc BVTV của ông S1 (đã thanh toán tiền mua hàng cho ông S1) và M thông báo ngày 14/9/2024 thì 10 thùng thuốc BVTV được vận chuyển đến thành phố Hồ Chí Minh để giao cho T4. Căn cứ lời khai của Vũ Ngọc T4 và tài liệu chứng cứ thu thập được ngày 14/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp đối với phương tiện vận tải là xe ô tô tải biển số 51C – 73170 của Nguyễn Văn V khi V cùng với Lê V1 (sinh năm 1988, địa chỉ: 3 H, phường P, thành phố Hồ Chí Minh) đang dừng xe chờ giao 10 thùng thuốc BVTV cho T4 tại Ấp A, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, quá trình khám xét phát hiện

thu giữ trên xe có 75 thùng thuốc BVTV có ghi chữ nước ngoài không có hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ trong đó có 10 thùng thuốc BVTV của Vũ Ngọc T4 đã đặt từ Campuchia đang được vận chuyển về Đắk Lắk, quá trình làm việc V khai nhận trước đó đã bốc số thuốc BVTV trên từ kho hàng tại số B, ấp A, xã B, thành phố Hồ Chí Minh để đi gửi qua chành xe cho các cá nhân Vũ Ngọc T4, Nguyễn Văn Đ, Trần Hữu T9 và Võ Hồng T10, tại kho đang gửi lại 03 thùng thuốc BVTV để bà M đến nhận sau.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp địa điểm là kho chứa hàng hóa tại số B, ấp A, xã B, thành phố Hồ Chí Minh của Trần Quang T14, kết quả thu giữ: 03 (ba) thùng thuốc bảo vệ thực vật bên ngoài thùng giấy carton có in nội dung V-FIRE 720 SL, 26 (hai mươi sáu) bộ máy điều hoà, 03 (ba) cái tủ lạnh, 21 (hai mươi mốt) máy lọc khí, 02 (hai) quạt điện có gắn cánh, 20 (hai mươi) quạt điện loại cây đứng không có cánh. Toàn bộ hàng hóa đều không có hóa đơn chứng từ về nguồn gốc xuất xứ. Kết quả điều tra xác định: Trần Quang T14 thường đến Campuchia buôn bán nên quen biết với các cá nhân tên M2, H10, Q (người quốc tịch Campuchia) có hàng hóa vận chuyển từ Campuchia về thành phố Hồ Chí Minh để giao cho khách tuy nhiên họ đều không có chành xe trung chuyển tại thành phố Hồ Chí Minh nên T14 đã liên kết với họ và thỏa thuận khi có hàng hóa là đồ thiết bị điện tử, quần áo cũ, chén, đĩa sứ, nước giặt,…được vận chuyển từ Campuchia tới Việt Nam thì khi đến thành phố Hồ Chí Minh hàng hóa được vận chuyển đến lưu kho hàng của T14 để T14 nhận, phân loại hàng hóa và giao cho khách để nhận tiền công vận chuyển và tiền công bốc xếp hàng hóa. Để điều hành hoạt động của kho hàng, T14 thuê ông Phạm Duy K2 quản lý, ghi chép sổ sách, giao nhận hàng hóa với khách, thu tiền, chi tiền cho tài xế, thuê xe, bốc vác và các ông Lê Thanh V1 làm lái xe giao hàng, Ngô Quang H11, Thạch Sa P3 là nhân viên bốc vác. Từ tháng 12/2023, T14 đến Campuchia buôn bán nên giao kho hàng lại cho K2 quản lý và điều hành hoạt động, trong thời gian này có một số chuyến xe chở hàng từ Campuchia về đến kho của T14 có kèm theo hàng hóa của khách hàng thuê M vận chuyển, trong đó vào tháng 5/2024 và 8/2024 có 02 xe chở hàng hóa đến kho trên thùng xe có mặt hàng thuốc BVTV được người đàn ông tên Quang thông B là của M nên K2 thông báo cho T14 biết thì T14 yêu cầu M phải tự đến nhận, kho của T14 không tiếp nhận và vận chuyển mặt hàng thuốc BVTV. Riêng ngày 14/9/2024, khi tiếp nhận hàng hóa do Hà Mạnh D2 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 82C-082.47 chở đến kho gồm các hàng hóa là tủ lạnh, chén, đĩa sứ, máy lạnh và các thùng thuốc BVTV thì lúc đầu K2 không đồng ý bốc xếp thuốc BVTV xuống kho. Tuy nhiên do D2 yêu cầu bốc xuống để D2 điều khiển xe đi về nên K2 đã chỉ đạo Ngô Quang H11 và Thạch Sa P3 bốc xếp tất cả hàng hóa từ thùng xe xuống kho, sau khi D2 rời đi thì K2 nhìn trên toa hàng mà người đàn ông tên Q gửi thấy có 78 thùng thuốc BVTV của M nên K2 gọi điện thoại cho V đến tiếp

nhận và chở đi ra khỏi kho. Đối với việc bốc xếp thuốc BVTV của M xuống kho thì giữa M, K2, T14 không có bàn bạc, trao đổi trước với nhau, K2 và T14 không được hưởng lợi gì từ việc thuốc BVTV của M được gửi qua kho hàng của T14.

Đối với 78 thùng thuốc BVTV thu giữ ngày 14/9/2024 (gồm: 75 thùng trên xe ô tô biển kiểm soát 51C-731.70 và 03 thùng thu giữ tại chành xe của Trần Quang T14), quá trình điều tra xác định: 30 thùng (gồm: 20 thùng nhãn hiệu Niphosate 480SL, dung tích 900ml/chai và 10 thùng V-Fire 480, dung tích 900ml/chai) chủ sở hữu là Nguyễn Văn Đ; 20 thùng (gồm: 05 thùng nhãn hiệu LYPHODECO 48SL, dung tích 900ml/chai; 05 thùng nhãn hiệu Niphosate 480SL, dung tích 900ml/chai; 05 thùng nhãn hiệu LYPHOXIM 480SL, dung tích 4,5 lít/can; 05 thùng nhãn hiệu Niphosate 480SL, dung tích 4,5 lít/can) chủ sở hữu là Trần Hữu T9; 10 thùng nhãn hiệu Glyphosan chủ sở hữu là Vũ Ngọc T4; 03 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu V-FIRE 720 SL là của M mua cho người thân sử dụng và 15 thùng của Võ Hồng T10. Đối với số hàng là 78 thùng thuốc BVTV, 26 (hai mươi sáu) bộ máy điều hoà, 03 (ba) cái tủ lạnh, 21 (hai mươi mốt) máy lọc khí, 02 (hai) quạt điện có gắn cánh, 20 (hai mươi) quạt điện loại cây đứng không có cánh mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tạm giữ vào ngày 14/9/2021 thì vào ngày 13/9/2024, Hà Mạnh D2 được người đàn ông tên H7 (là người quốc tịch Campuchia, sinh sống tại Campuchia) thuê vận chuyển từ bãi số 0 *(là bãi đất trống thuộc địa giới hành chính của Campuchia, có đường mòn tiếp giáp với đường tuần tra biên giới thuộc* xã N, tỉnh Tây Ninh) đến thành phố Hồ Chí Minh giao tại bãi xe thuộc địa chỉ: số B, ấp A, xã B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với việc vận chuyển thuốc BVTV từ Campuchia về Việt Nam cho Nguyễn Văn Đ, Trần Hữu T9, Võ Hồng T10, Bùi Văn H2, Châu Ngọc L3, Lương Đức H1 và các đối tượng T12, T11, H8, N1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) từ Campuchia về Việt Nam để nhận tiền công vận chuyển, cụ thể như sau:

- Đối với Nguyễn Văn Đ: Từ ngày 16/5/2024 đến ngày 19/8/2024 đã mua thuốc BVTV của ông S1 tổng số 08 lần với tổng số 225 thùng thuốc BVTV. Sau đó thuê Nguyễn Thị Tuyết M vận chuyển về Việt Nam. Quá trình điều tra xác định từ 27/5/2024 đến ngày 23/8/2024, Nguyễn Văn Đ sử dụng tài khoản ngân hàng số 3387977247 mở tại Ngân hàng TMCP N3 - Chi nhánh K và số tài khoản ngân hàng D3, mở tại Ngân hàng TMCP S4 - Chi nhánh K, chủ tại khoản Nguyễn Văn Đ để chuyển tổng số 08 lần, với tổng số tiền 96.212.000 đồng là cước vận chuyển đến số tài khoản ngân hàng số 070094571985, mở tại ngân hàng TMCP S4 Chi nhánh T18 - Đồng Tháp, tên Nguyễn Thị Tuyết M.

- Đối với Trần Hữu T9: Từ ngày 10/6/2024 đến ngày 06/9/2024, T9 đã mua thuốc BVTV của ông S1 10 lần với tổng số 249 thùng và 03 bao thuốc BVTV và sau đó thuê Nguyễn Thị Tuyết M vận chuyển về Việt Nam. Quá trình điều tra xác định từ ngày 10/6/2024 đến ngày 09/9/2024, Trần Hữu T9 đã sử dụng số tài khoản

1023979827 mở tại Ngân hàng TMCP N3 – Chi nhánh thành phố T, tỉnh Thừa Thiên Huế đứng tên Trần Hữu T9 để chuyển tổng số 10 lần với tổng số tiền 122.856.000 đồng là cước vận chuyển đến số tài khoản ngân hàng số 070094571985, mở tại ngân hàng TMCP S4 Chi nhánh T18 - Đồng Tháp, tên Nguyễn Thị Tuyết M.

- Đối với Võ Hồng T10: Từ tháng 6/2024 đến ngày 05/9/2024, T10 liên hệ mua thuốc BVTV của ông S1 tại Campuchia tổng số 05 lần, sau đó qua sự giới thiệu của ông S1 nên thuê Nguyễn Thị Tuyết M vận chuyển về đến thành phố Hồ Chí Minh và được Nguyễn Văn V liên hệ để thông báo gửi qua chành xe Xuân Hoa về tỉnh Bình Định để T10 nhận bán lại kiếm lời. Quá trình thanh toán tiền mua thuốc BVTV cho ông S1 và tiền cước vận chuyển cho M thì T10 nhờ người khác chuyển đến số tài khoản mà ông S1 và M cung cấp (không nhớ rõ nhân thân, lai lịch của người nhờ chuyển tiền). Đối với lần gần nhất là ngày 05/9/2024, T10 mua số lượng 15 thùng thuốc BVTV (gồm: 04 thùng nhãn hiệu LYPHO DECO 48SL, 03 thùng nhãn hiệu Deco 600SL, 05 thùng nhãn hiệu Nova Weeds off king, 03 thùng nhãn hiệu V-Fire 720SL), đã nhờ người khác (không nhớ rõ nhân thân, lai lịch) thanh toán tiền cho ông S1 với số tiền 28.500.000 đồng. Tuy nhiên do Nguyễn Thị Tuyết M bị cơ quan Công an bắt giữ nên T10 chưa nhận được 15 thùng thuốc BVTV trên nên chưa thanh toán tiền cước vận chuyển cho M.

- Đối với Bùi Văn H2: Từ ngày 20/5/2024 đến ngày 10/8/2024, H2 đã mua thuốc BVTV của ông S1 03 lần với tổng số 85 thùng thuốc BVTV và sau đó thuê Nguyễn Thị Tuyết M vận chuyển về Việt Nam. Quá trình điều tra xác định từ ngày 28/5/2024 đến ngày 23/8/2024, Bùi Văn H2 đã sử dụng số tài khoản 5608468689999 mở tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh Đ1, tỉnh Bình Phước đứng tên Bùi Văn H2 để chuyển tổng số 03 lần với tổng số tiền 29.006.000 đồng là cước vận chuyển đến số tài khoản ngân hàng số 070094571985, mở tại ngân hàng TMCP S4 Chi nhánh T18 - Đồng Tháp, tên Nguyễn Thị Tuyết M.

- Đối với Châu Ngọc L3: Từ tháng 5/2024 đến tháng 8/2024, L3 mua thuốc BVTV của ông S1 06 lần nhưng không nhớ rõ tên thuốc BVTV, số lượng đã mua theo từng lần. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra chứng minh được ngày 14/6/2024, L3 mua tổng số 11 thùng thuốc BVTV của ông S1 (gồm: 06 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Car ben HA, 04 thùng Acepal Nileda, 01 thùng Vi Carben 1L). Sau đó thuê Nguyễn Thị Tuyết M vận chuyển về Việt Nam. Quá trình điều tra xác định ngày 14/6/2024 L3 đã sử dụng số tài khoản 1900686886 mở tại Ngân hàng TMCP Q2 đứng tên Châu Ngọc L3 chuyển số tiền 4.040.000 đồng là cước vận chuyển đến số tài khoản ngân hàng số 070094571985, mở tại ngân hàng TMCP S4 Chi nhánh T18 - Đồng Tháp, tên Nguyễn Thị Tuyết M.

- Đối với Lương Đức H1: vào các ngày 14/6/2024 và ngày 05/9/2024, H1 được người đàn ông tên Q (không nhớ rõ nhân thân, lai lịch) nhờ mua tổng số 20

thùng thuốc BVTV (15 thùng Niphosate 4,5lít và 05 thùng Niphosate 900ml). Sau đó thuê Nguyễn Thị Tuyết M vận chuyển về Việt Nam, sau đó H1 sẽ tự đến lấy thuốc BVTV. Quá trình mua thuốc BVTV thì H1 nhờ người thanh toán tiền mua thuốc BVTV cho ông S1 và trả tiền cước cho M. Quá trình điều tra xác định tài khoản ngân hàng số 0938470000, mở tại Ngân hàng TMCP Q2 Chi nhánh tỉnh Đ, chủ tài khoản là ông Đặng Minh H4 được H1 nhờ chuyển tiền 02 lần, trong đó: lần 01 chuyển số tiền 12.597.000 đồng đến số tài khoản 985926056, tên người nhận Trần Thị Ngọc T5; lần 02 chuyển số tiền 3.618.000 đồng đến số tài khoản 070094571985, tên người nhận Nguyễn Thị Tuyết M và tài khoản ngân hàng số 7878345678, mở tại Ngân hàng TMCP T17 – Chi nhánh Đ, chủ tài khoản là ông Vũ Trọng H5 chuyển tiền 01 lần với số tiền 3.790.000 đồng đến số tài khoản nhận 070094571985, tên người nhận Nguyễn Thị Tuyết M.

- Đối với đối tượng tên T12, M và V đã vận chuyển 01 lần cho T12 với số lượng 100 thùng thuốc BVTV, cụ thể: 40 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Niphosate 900, 20 thùng Niphosate 4,5L, 20 thùng zico 600, 20 thùng Lyphoxim. Đối tượng tên T12 sử dụng số tài khoản 1036431299, Ngân hàng TMCP N3, tên chủ tài khoản "Nguyen Quoc Huy" để chuyển số tiền 35.380.000 đồng đến số tài khoản 070094571985 của M để thanh toán tiền cước vận chuyển 100 thùng thuốc BVTV trên cho M.

- Đối với đối tượng tên T11, M và V đã vận chuyển 01 lần với tổng số 15 thùng thuốc BVTV, bao gồm: 10 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Zico 600, 05 thùng BVTV nhãn hiệu HA 600. Đối với lần vận chuyển này thì M không nhớ đối tượng T11 dùng tài khoản ngân hàng nào để chuyển tiền thanh toán cho M (không có tài liệu, chứng cứ để xác định số tiền cước vận chuyển đối tượng H8 đã chuyển cho M) nên M không nhớ cước vận chuyển T11 đã trả cho M là bao nhiêu.

- Đối với đối tượng tên H8, M và V đã vận chuyển 03 lần với tổng số 30 thùng thuốc BVTV, bao gồm: 05 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Helosate 4,5L; 04 thùng BVTV nhãn hiệu Niphosate 900; 11 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Niphosate 4,5L; 01 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu HA 600; 06 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Tiphosate 4,5L; 02 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Nova 600 và 01 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Dragon. Đối với các lần vận chuyển này thì M không nhớ đối tượng H8 dùng tài khoản ngân hàng nào để chuyển tiền thanh toán cho M (không có tài liệu, chứng cứ để xác định số tiền cước vận chuyển đối tượng H8 đã chuyển cho M) nên M không nhớ số tiền cước vận chuyển H8 đã trả cho M là bao nhiêu.

- Đối với đối tượng tên N1, M và V đã vận chuyển 02 lần với tổng số 24 thùng thuốc BVTV, bao gồm: 05 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Viffosate 4,5L; 10 thùng BVTV nhãn hiệu Niphosate 900; 01 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Helosate 900; 05 thùng thuốc BVTV nhãn hiệu Decoking 450 và 03 thùng thuốc

BVTV nhãn hiệu Carben HA. Đối với các lần vận chuyển này thì M không nhớ đối tượng N1 dùng tài khoản ngân hàng nào để chuyển tiền thanh toán cho M (không có tài liệu, chứng cứ để xác định số tiền cước vận chuyển đối tượng N1 đã chuyển cho M) nên M không nhớ số tiền cước vận chuyển N1 đã trả cho M là bao nhiêu.

*** Việc vận chuyển trái phép hàng hóa từ Campuchia về Việt Nam được** Hà Mạnh D2 **thực hiện cụ thể như sau:** Vào năm 2022, do D2 thường xuyên đến Campuchia để làm thuê, lái xe chở hàng hóa không có hóa đơn, chứng từ về nguồn gốc xuất xứ qua biên giới bằng đường mòn, lối mở từ Campuchia về Việt Nam cho người đàn ông tên M2. Trong thời gian ở tại Campuchia thì D2 quen biết với người đàn ông tên H7. Đến tháng 8/2024, H7 đặt vấn đề thuê D2 vận chuyển hàng hóa là chén, đĩa sứ được đóng trong thùng giấy carton, quần áo cũ đóng trong bao tải, thiết bị điện tử (máy điều hòa, tủ lạnh, quạt điện, máy lọc không khí) và thuốc BVTV từ Campuchia về đến thành phố Hồ Chí Minh nên D2 đồng ý, cả hai thỏa thuận khi có hàng hóa thì H7 chở đến vị trí bãi số 0 để D2 sử dụng xe ô tô 82C-082.47 (xe ô tô được D2 thuê của ông Nguyễn Thanh T15, sinh năm: 1991, trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh) đi từ nhà D2 thuộc xã T, tỉnh Tây Ninh qua biên giới thuộc khu vực xã N, tỉnh Tây Ninh bằng đường mòn đến bãi số 0 gặp xe của H7 (D2 không nhớ biển kiểm soát và đặc điểm của xe) để sang hàng hóa qua xe của D2, cả hai thỏa thuận tiền công vận chuyển thì H7 sẽ trả cho D2 theo chuyến, thỏa thuận một chuyến khối lượng hàng hoá từ 04 đến 06 tấn là 4.200.000 đồng/chuyến, hình thức trả tiền mặt bằng tiền Việt Nam khi sang xong hàng qua thùng xe của D2. Khi sang hàng hóa xong thì H7 cung cấp địa chỉ kho của T14 và cung cấp số điện thoại di động của Phạm Duy K2 để D2 liên hệ giao hàng hóa. Vào giữa tháng 8/2024, H7 thuê D2 vận chuyển khoảng 04 tấn hàng hóa, trong đó có cả mặt hàng thuốc BVTV và được giao tại kho của T14. Đến sáng ngày 13/9/2024, H7 liên lạc với D2 qua ứng dụng Telegram và thông báo đến tối cùng ngày đến bãi số 0 nhận hàng hóa chở về giao tại kho của T14 nên D2 một mình điều khiển xe ô tô 82C-082.47 từ nhà đi theo đường cũ đến vị trí bãi số 0 để nhận hàng hóa là chén, đĩa đóng trong thùng, tủ lạnh, máy điều hòa, quần áo cũ từ xe của H7. Sau khi nhận hàng hóa xong thì D2 một mình điều khiển xe qua biên giới về lại Việt Nam và đi đến kho của T14 để giao hàng. Tuy nhiên khi đến kho là lúc 03 giờ 30 phút ngày 14/9/2024, không có ai nhận hàng hóa, bốc hàng hóa xuống xe nên D2 nằm trên cabin ngủ đến khoảng 07 giờ cùng ngày thì K2 ngủ dậy cho nhân viên bốc xếp hàng hóa xuống xe. Sau khi bốc xếp hàng hóa xuống xe xong thì D2 điều khiển xe ô tô 82C-082.47 về nhà cất xe. Đến tháng 10/2024, D2 đã trả lại xe ô tô 82C-082.47 cho ông Nguyễn Thanh T15, sinh năm: 1991, trú tại Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh quản lý cho đến nay.

- Ngày 12/9/2024, Phòng C đã phối hợp với Sở C2, Cục Hải quan, Cục Q3, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đ lập biên bản xác định toàn bộ 44 thùng (309 sản phẩm) thuốc tạm giữ ngày 11/9/2024 là được sản xuất tại nước ngoài; Không có tên trong danh mục thuốc BVTV được phép nhập khẩu, sản xuất, buôn bán, sử dụng tại Việt Nam.

- Ngày 28/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã phối hợp với Sở C2, Cục Hải quan, Cục Q3, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đ lập biên bản xác định toàn bộ 78 thùng thuốc BTV (gồm 1.434 sản phẩm) thu giữ ngày 14/9/2024 được sản xuất tại nước ngoài; Không có tên trong danh mục thuốc BVTV được phép nhập khẩu, sản xuất, buôn bán, sử dụng tại Việt Nam.

- Kết luận định giá tài sản số 3380 ngày 24/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: 309 sản phẩm trong 44 thùng tạm giữ ngày 11/9/2024 có tổng giá trị là **108.440.000 đồng** (Một trăm lẻ tám triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng). Trong đó số lượng T4 đã mua của ông S1 là 292 sản phẩm thuốc BVTV có trị giá **104.550.000 đồng** (Một trăm lẻ bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng)

- Kết luận định giá tài sản số: 3501 ngày 02/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk xác định: Giá trị của 78 thùng thuốc bảo vệ thực vật (gồm 1.434 sản phẩm thuốc BVTV) thu giữ ngày 14/9/2024 là: **173.435.000 đồng**.

- Kết luận định giá tài sản số: 4089/KL-HĐĐG ngày 13/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk xác định: Giá trị của 729 sản phẩm thuốc BVTV là **150.609.000 đồng** (Đây là số lượng thuốc BVTV T mua của ông S1 trong thời gian từ ngày 03/6/2024 đến ngày 10/9/2024 nhưng T4 đã bán hết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không tiến hành thu hồi được).

- Ngày 13/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã phối hợp với Sở C2, xác định lô hàng gồm: 03 tủ lạnh; 26 bộ máy điều hòa; 21 máy lọc không khí; 02 quạt điện có cánh; 20 quạt điện không có cánh là hàng hóa đã qua sử dụng, trên từng sản phẩm có chữ nước ngoài, không có nhãn phụ tiếng Việt, không được sản xuất tại Việt Nam; được sản xuất tại nước ngoài.

- Kết luận định giá tài sản số: 4271/KL-HĐĐG ngày 27/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk xác định:

+ Giá trị của 02 tủ lạnh nhãn hiệu HITACHI và PANASONIC là: 44.000.000 đồng. 01 tủ lạnh nhãn hiệu PANASONIC sản xuất năm 2014 không xác định được giá vì không có thông tin về tài sản, không đủ điều kiện cần thiết để tiến hành định giá.

+ Giá trị của 08 máy lọc khí là 23.240.000 đồng; 13 máy lọc khí không xác định được giá vì không có thông tin về tài sản, không đủ điều kiện cần thiết để tiến hành định giá.

+ 26 bộ máy điều hòa không xác định được giá vì không xác định được tình trạng kinh tế kỹ thuật, tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản, không đủ điều kiện cần thiết để tiến hành định giá.

+ 22 quạt điện không xác định được giá vì không xác định được tình trạng; tên nhãn hiệu, năm sản xuất, mã sản phẩm.

- Ngày 10/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ gửi công văn số 2971/CV-KTĐ3 về việc giải thích kết luận định giá tài sản số 4271/KL-HĐĐG ngày 27/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 16/12/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk có công văn số 4537/HĐĐGTTHS nêu lý do từ chối định giá đối với các tài sản trong bản kết luận định giá tài sản số 4271/KL-HĐĐG ngày 27/11/2024: Không có thông tin về tài sản, không xác định được tình trạng kinh tế kỹ thuật, tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản, không xác định được tình trạng; tên nhãn hiệu, năm sản xuất, mã sản phẩm nên không đủ điều kiện cần thiết để tiến hành định giá.

- Ngày 09/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ gửi công văn số 1444/CSKT(Đ4) về việc phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ điều tra. Đến ngày 03/6/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk có công văn số 2678/HĐĐGTTHS nêu lý do từ chối định giá đối với các tài sản trong bản kết luận định giá tài sản số 3501/KL-HĐĐG ngày 02 tháng 10 năm 2024: Không tìm thấy thông tin về giá của tài sản trên thị trường, không có đủ điều kiện cần thiết để tiến hành định giá, các tài liệu cung cấp không có giá trị để định giá.

- Kết luận định giá tài sản số: 2736/KL-HĐĐG ngày 04/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk xác định: Giá trị của 617 sản phẩm thuốc BVTV là **803.334.000 đồng**. Đây là số lượng thuốc BVTV T4, T9, Đ, H1 và T12 mua của ông S1 nhưng đã bán hết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không tiến hành thu hồi được.

- Kết luận định giá tài sản số: 2854/KL-HĐĐG ngày 09/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk xác định: Giá trị của 79 sản phẩm thuốc BVTV là **279.234.000 đồng**. Đây là số lượng thuốc BVTV T (10 thùng), T12 (10 thùng), Bùi Văn H2, Châu Ngọc L3, N1, H8, D1, H3, T11, L4, T13 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) mua của ông S1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không tiến hành thu hồi được.

Ngoài số lượng thuốc BVTV và thiết bị điện tử đã nêu ở trên thì trong quá trình điều tra thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ còn thu giữ một số đồ vật, tài liệu sau:

- 01 xe ô tô biển kiểm soát 47H-012.84 của ông Hoàng Gia Kiều Tam .

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A73 5G, số IMEI (khe 1) 352828293709059, số IMEI (khe 2) 354462613709058 của Vũ Ngọc T4 (tình trạng máy đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20, vỏ ốp lưng màu đen, số IMEI (khe 1) 350247875514849, số IMEI (khe 2) 353791665514847, số sêri RF8RC06CT4A của Vũ Thanh T8 (tình trạng đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone, tên kiểu máy: Iphone xs Max, số máy: MT5M2LL/A, số sê ri: F2MXL7Y9KPHF và 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO, tên kiểu máy: CPH2, số IMEI 1: 8661090416, 77313; số IMEI 2: 866109041677305 của Nguyễn Văn V (tình trạng đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone, tên kiểu máy: Iphone 12 Pro Max, số máy: MGCJ3LL/A, số sê ri: F2LFL0YJ0D42 và 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone, tên kiểu máy: Iphone 7 Plus, số máy: MNR52LL/A, số sê ri: F2LST12UHG00, số Imei: 353818082472729 của Phạm Duy K2 (đã qua sử dụng).

- 01 (một) máy điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A54 5G, số sêri R5CWB0NAA8R, imei 1: 350040122015276, IMEI 2: 357059382015274 của Trần Quang T14 (đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, số IMEI 352012837059533 (đã qua sử dụng) và 01 (một) quyển sổ bìa màu đỏ, bên ngoài ghi chữ "Handbook Thuận Phong" của Nguyễn Thị Tuyết M.

- 01 (một) xe ô tô tải biển số 51C-731.70 của Nguyễn Văn V (tình trạng đã qua sử dụng) và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 141931, biển số đăng ký 51C-731.70, tên chủ xe Nguyễn Văn V.

- 02 (hai) cuốn vở học sinh; 01 (một) tập tài liệu giấy A4 (gồm 21 tờ) của Trần Quang T14.

- 01 cuốn sổ giao nhận hàng tháng 8; 9/2024 của nhà xe L7.

Đối với các điện thoại di động của các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị Tuyết M, quá trình điều tra ngoài khai nhận vận chuyển cho các đối tượng trên thì M và V còn khai nhận vận chuyển cho đối tượng tên T12, được lưu tên trong điện thoại của M và T4, 03 chiếc điện thoại này đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk vào ngày

27/02/2025. Để đảm bảo cho việc xử lý đối tượng T12, vào ngày 30/6/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ban hành công văn đề nghị Cục T hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk cho rút 03 điện thoại trên để tiếp tục làm rõ hành vi của T12 trong vụ án Buôn lậu đã được tách ra theo Quyết định tách vụ án hình sự số 4726 ngày 05/6/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2025/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

**[1] Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn V phạm tội "Buôn lậu".

**[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:**

[2.1] Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M 13 (Mười ba) năm 06 (S2) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 15/12/2024.

[2.2] Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V 12 (Mười hai) năm 06 (S2) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 31/10/2024.

**[3]. Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 5 Điều 188 của Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền các bị cáo, cụ thể: Phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); phạt bị cáo Nguyễn Văn V số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Vũ Ngọc T4, Hà Mạnh D2; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 30/9/2025, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật, bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội.

- Ngày 23/9/2025, bị cáo Nguyễn Văn V kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, xét xử lại toàn bộ bản án theo quy định của pháp luật và cho rằng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã tuyên xử chưa đúng người, đúng tội, không đúng sự thật khách quan, gây oan ức cho bị cáo.

**Tại phiên toà phúc thẩm:**

- Bị cáo Nguyễn Thị Tuyến M3 và bị cáo Nguyễn Văn V giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm đối với các bị cáo để điều tra, truy tố và xét xử lại.

- Luật sư Lê Bình D và Nguyễn Phúc D1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M; Luật sư Nguyễn Thế T2 và Nguyễn Thế H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo để huỷ bản án sơ thẩm đối với bị cáo M, bị cáo V1 để điều tra, xét xử lại, nhằm tránh oan, sai.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Văn V nhận vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật cho bị cáo T4 và những người khác vì mục đích là lấy tiền công vận chuyển chứ không vì mục đích mua bán kiếm lời. Tiền công vận chuyển được bị cáo T4 và những người khác chuyển khoản cho bị cáo M rồi được bị cáo M chuyển khoản trả cho bị cáo V. Tại tài liệu có tại hồ sơ cụ án chưa làm rõ và tại phiên toà hôm nay không thể kết luận được bị cáo V và bị cáo M có nhận tiền mua thuốc bảo vệ thực vật từ bị cáo T4 và những người khác để chuyển cho người đàn ông tên S1 ở Campuchia hay không; hoặc có thống nhất phân chia lợi nhuận trong việc mua bán thuốc bảo vệ thực vật với người đàn ông tên S1 ở Campuchia hay không. Do đó, mặc dù bị cáo M và V biết bị cáo T4 và một số người khác buôn lậu thuốc bảo vệ thực vật từ Campuchia về Việt Nam bán lại kiếm lời, nhưng việc buộc các bị cáo M, V đồng phạm với T4 về tội *"Buôn lậu"* là chưa đủ cơ sở vững chắc. Hành vi của bị cáo M có dấu hiệu tội *"Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới"* theo Điều 189 BLHS và hành vi của V có dấu hiệu của tội *"Vận chuyển hàng cấm"* theo Điều 191 BLHS. Do đó, đề nghị HĐXX huỷ bản án sơ thẩm đối với bị cáo M và bị cáo V để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2025, bị cáo Nguyễn Văn V kháng cáo và 30/9/2025, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M kháng cáo bản án sơ thẩm. Kháng cáo của các bị cáo là đúng chủ thể và còn trong hạn luật định nên được Toà án cấp phúc thẩm thụ lý và xét xử tại phiên toà phúc thẩm hôm nay.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, các bị cáo Vũ Ngọc T4 và Hà Mạnh D2 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Từ ngày 29/5/2024 đến ngày 10/9/2024, Vũ Ngọc T4 đã liên hệ, chuyển tiền mua thuốc BVTV của người đàn ông tên S1 ở Campuchia 12 lần, tổng số lượng 190 thùng thuốc BVTV với tổng số tiền đã thanh toán chuyển khoản đến các số tài khoản do ông S1 cung cấp là: 253.424.800 đồng. Để vận chuyển thuốc BVTV mua từ Campuchia về Việt Nam, T4 đã liên hệ thuê Nguyễn Thị Tuyết M, sau khi thuốc BVTV được vận chuyển đến chành xe của M tại thành phố Hồ Chí Minh thì M thuê Nguyễn Văn V tiếp nhận và vận chuyển tiếp đi gửi qua chành xe về Đắk Lắk cho T4 nhận. Giá trị của 190 thùng thuốc BVTV mà T4 đã mua của ông "Soạn" xác định là 314.695.000 đồng. Trong đó số hàng tạm giữ vào ngày 11/9/2024 có trị giá là 105.550.000 đồng.

Đối với Hà Mạnh D2: Biết rõ các mặt hàng mà người đàn ông tên H7 (người quốc tịch Campuchia) thuê vận chuyển thuê từ Campuchia về Việt Nam để giao cho khách là hàng hóa không có hóa đơn, chứng từ về nguồn gốc xuất xứ nên D2 chọn đường vận chuyển là đường mòn, lối mở để qua biên giới, không có lực lượng chức năng canh gác tại địa phận xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vào ngày 14/9/2024, Hà Mạnh D2 đã điều khiển xe ô tô biển số 82C-082.47 chở tổng số 78 thùng thuốc BVTV, 03 tủ lạnh, 21 máy lọc không khí từ Campuchia về đến kho của Trần Quang T14 để nhận tiền công vận chuyển từ người đàn ông tên H7 với số tiền 4.200.000 đồng. Giá trị của 78 thùng thuốc BVTV là 173.435.000 đồng; Giá trị của 03 tủ lạnh (từ chối định giá 01 tủ lạnh); 08 máy lọc không khí (từ chối định giá 13 cái) được xác định là 67.240.000 đồng. Tổng giá trị của 78 thùng thuốc BVTV và lô hàng điện tử do D2 vận chuyển trái phép từ Campuchia qua biên giới về Việt Nam được xác định là: 240.675.000 đồng.

Với các hành vi như trên, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo Vũ Ngọc T4 phạm tội *"Buôn lậu"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 188 Bộ luật Hình sự và bị cáo Hà Mạnh D2 phạm tội *"Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới"* theo quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo T4, D2 không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị. Do đó quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Vũ Ngọc T4, Hà Mạnh D2 tại bản án sơ thẩm có hiệu lực đối với các bị cáo T4 và D2.

[2.2] Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Văn V, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Thông qua giới thiệu của ông S1, Nguyễn Thị Tuyết M được Vũ Ngọc T4, Trần Hữu T9, Nguyễn Văn Đ, Lương Đức H1, Bùi Văn H2, Châu Ngọc L3, Võ Hồng T10 và các đối tượng T12, T11, H8, N1, T13, H3, D1, L4 (hiện chưa xác định rõ được nhân thân, lai lịch) thuê vận chuyển thuốc BVTV mua của ông S1 tại Campuchia để đưa về Việt Nam bán lại với mục đích kiếm lời, số hàng này không có hóa đơn chứng từ, không được nhập khẩu về Việt Nam nhưng M vẫn

đồng ý vận chuyển trái phép thuốc BVTV từ Campuchia về Việt Nam cho những người trên. Quá trình điều tra xác định, M đã vận chuyển 964 thùng và 03 bao thuốc BVTV với tổng giá trị hàng hóa là 1.391.996.000 đồng, cụ thể: Vũ Ngọc T4 190 thùng, Trần Hữu T9 249 thùng và 03 bao, Nguyễn Văn Đ 225 thùng, Bùi Văn H2 85 thùng, Châu Ngọc L3 11 thùng, Võ Hồng T10 15 thùng, Lương Đức H1 20 thùng và các đối tượng tên: T12 100 thùng, T11 15 thùng, H8 30 thùng, Nam 24 thùng.

Nguyễn Văn V được Nguyễn Thị Tuyết M trao đổi, thỏa thuận thay M trực tiếp có mặt tại chành xe của M tại thành phố Hồ Chí Minh để tiếp nhận thuốc BVTV từ các xe chở đến. Sau khi tiếp nhận, V phân loại số lượng thuốc BVTV theo tên từng khách hàng do M cung cấp để gửi thuốc BVTV qua các chành xe về đến nơi nhận cho khách của M. Theo thông tin M cung cấp về số điện thoại người nhận thì V kết bạn zalo trao đổi báo cho họ biết đã gửi thuốc BVTV. Quá trình điều tra xác định, Vũ đã trực tiếp tiếp nhận, sau đó vận chuyển 944 thùng và 03 bao thuốc BVTV với tổng giá trị hàng hóa là 1.367.091.000 đồng đi gửi khách của M, cụ thể: Vũ Ngọc T 190 thùng, Trần Hữu Thắng 249 thùng và 03 bao, Nguyễn Văn Đinh 225 thùng, Bùi Văn Hùng 85 thùng, Châu Ngọc Linh 11 thùng, Võ Hồng Thương 15 thùng và các đối tượng tên: Thịnh 100 thùng, Thuận 15 thùng, Hạnh 30 thùng, Nam 24 thùng.

Sau khi vận chuyển, tiền công vận chuyển được bị cáo T và những người khác chuyển khoản cho bị cáo M rồi được bị cáo M chuyển khoản trả cho bị cáo V.

Các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Văn V đã bị Toà án cấp sơ thẩm xử phạt về tội *"Buôn lậu"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Văn V về phần tội danh thì thấy:

[2.3.1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bị cáo và luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M: Bị cáo M không thực hiện việc bỏ tiền ra mua thuốc BVTV từ Campuchia về để bán lại hay nhận tiền của bị cáo T để mua thuốc BVTV từ Campuchia chuyển về Việt Nam để bán kiếm lời; bị cáo M không phải là người trực tiếp thoả thuận, trao đổi, bàn bạc với bị cáo T hay ông Soạn để mua thuốc BVTV; bị cáo M không phải là người quyết định trong việc tiêu thụ hàng hoá là thuốc BVTV; bị cáo M không được hưởng lợi chênh lệch từ việc bán hàng hoá; chưa xác định làm rõ bị cáo M vận chuyển hàng hoá qua biên giới bằng con đường nào: cửa khẩu nào hay đường mòn lối mở mà chỉ theo lời

khai bị cáo M nhận hàng của ông Soạn và người tên Hảo từ Campuchia chuyển về.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn V: Bị cáo V thực hiện hành vi vận chuyển hàng hoá là thuốc BVTV khi hàng hoá đã chuyển vào nội địa; bị cáo V không tham gia hay chứng kiến việc giao nhận hàng hoá tại biên giới mà chỉ thể hiện rằng bị cáo biết rõ cách thức đưa đưa hàng qua cửa khẩu, thậm chí mô tả việc "đấu đuôi xe Campuchia-Việt Nam để sang hàng" (BL 424). Ngoài ra bị cáo V còn bị cáo buộc "độc quyền chở hàng cho bị cáo M" (BL 423).

Từ đó việc Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo M và bị cáo V về tội *"Buôn lậu"* là không đúng pháp luật.

[3.3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện Nguyễn Thị Tuyết M là chủ chành xe Bung H tại thành phố Hồ Chí Minh, do M mua lại của ông Bung H là người quốc tịch Campuchia từ tháng 10/2023 để vận chuyển hàng hóa là đồ thiết bị điện tử, bát, đĩa sứ, quần áo cũ, nước giặt,…từ Campuchia về Việt Nam và ngược lại. Quá trình kinh doanh M không đăng ký giấy phép kinh doanh đối với ngành nghề vận tải hàng hóa. Do M không thường xuyên có mặt tại chành xe Bung H nên M đã thỏa thuận thuê Nguyễn Văn V trực tiếp thay M nhận hàng hóa được các xe vận chuyển từ Campuchia về đến chành xe của M, sau đó V tự phân loại hàng hóa theo danh sách M cung cấp rồi vận chuyển tiếp đi giao cho các khách hàng của M và thỏa thuận trả tiền công cho V từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng/chuyến tùy theo chuyến có quãng đường vận chuyển ngắn hay dài trong nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

[3.3.2.1] Như vậy, ở đây bị cáo M là người vận chuyển hàng hoá là thuốc BVTV cho bị cáo T, giữa bị cáo T và bị cáo M không có sự bàn bạc, thoả thuận về việc hưởng lợi trong việc mua bán thuốc BVTV, mà các bị cáo chỉ biết nhau thông qua ông Soạn là người bán hàng cho bị cáo T ở Campuchia. Bị cáo T mua hàng hoá của ông Soạn và chuyển tiền mua hàng cho ông Soạn chứ không chuyển tiền cho bị cáo M. Sau khi bị cáo T chuyển tiền cho ông Soạn thì ông Soạn cho thông tin bị cáo M để bị cáo T liên hệ nhờ chở hàng từ Campuchia về và giao cho T tại Đắk Lắk.

Trong vụ án này cần xác định mục đích của tội phạm để định tội: bị cáo M vận chuyển hàng hoá trái phép từ Campuchia về để lấy tiền cước phí vận chuyển, ăn chênh lệch phí vận chuyển 1.000đ/kg hàng hoá, không nhằm mục đích mua bán để kiếm lời mà ở đây là tiền công vận chuyển. Về yếu tố hành vi khách quan của tội phạm thì hành vi phạm tội đến đâu xử lý đến đó, và hành vi của bị cáo đã và đang xảy ra trên thực tế là hành vi vận chuyển trái pháp luật hàng hoá qua biên giới. Trong trường hợp cho rằng bị cáo phạm tội *"Buôn lậu"* thì phải chứng minh

được vai trò đồng phạm của bị cáo M với bị cáo T, thể hiện có sự bàn bạc, thống nhất, phân công nhiệm vụ, chia lợi nhuận hay không?

Trong quá trình điều tra, Viện kiểm sát cũng đã trả hồ sơ điều tra bổ sung làm rõ số tiền bị cáo T chuyển cho bị cáo M là tiền cước vận chuyển hay có liên quan đến số tiền bị cáo T mua thuốc BVTV chuyển cho bị cáo M hay không, đã thể hiện rõ tiền đó là tiền cước vận chuyển chứ không liên quan đến tiền mua bán thuốc BVTV (BL 2584). Ngoài việc vận chuyển thuê thuốc BVTV cho bị cáo T thì bị cáo M còn vận chuyển thêm những hàng hoá cho người khác đã được xem xét.

Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo M về tội *"Buôn lậu"* khi chưa làm rõ hành vi của bị cáo trong việc mua bán thuốc bảo vệ thực vật như: trao đổi, bàn bạc, thanh toán tiền giữa bị cáo M với bị cáo T, với ông Soạn là sai lầm trong việc đánh giá hành vi phạm tội, dẫn đến xác định chưa đúng tội danh đối với bị cáo M.

Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M có cấu thành rõ ràng hơn về tội *"Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới"* được qui định tại Điều 189 BLHS.

[3.3.2.2] Đối với bị cáo Nguyễn Văn V là người chở hàng cho bị cáo M sau khi M nhận hàng được chuyển về từ Campuchia để giao cho khách hàng theo yêu cầu của M để lấy tiền công.

Trong vụ án này, cần làm rõ việc bị cáo V vận chuyển cho M là làm công ăn lương hay vận chuyển rồi thu tiền theo chuyến. Việc vận chuyển hàng hoá giữa bị cáo M và bị cáo V là hai công đoạn riêng biệt hay trong chuỗi vận chuyển chung hàng hoá từ Campuchia về Việt Nam. Trường hợp làm rõ bị cáo V tiếp nhận ý chí của bị cáo M và biết rõ đó là M vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới thì đó là đã giúp sức cho bị cáo M với vai trò đồng phạm về tội "*Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới"* theo qui định tại Điều 189 BLHS. Trong trường hợp bị cáo V thực hiện vai trò độc lập, chỉ vận chuyển hàng hoá là thuốc BVTV bị cấm sản xuất, lưu hành trong nước, địa bàn vận chuyển giao hàng trong nước không qua biên giới thì có dấu hiệu cấu thành tội "*Vận chuyển hàng cấm"* được qui định tại Điều 191 BLHS.

[3.3.3] Tại các bản kết luận giám định và định giá tài sản trong tố tụng hình sự của cấp sơ thẩm chưa tiến hành giám định trọng lượng đối với hàng hoá là thuốc BVTV nên cần tiến hành giám định trọng lượng là thể tích hoặc khối lượng (kilogam) đối với vật chứng là thuốc bảo vệ thực vật mà bị cáo V vận chuyển cho bị cáo M. Do đó cần tiến hành giám định bổ sung thể tích, trọng lượng đối với hàng hoá là thuốc BVTV mà bị cáo Vũ vận chuyển cho bị cáo M.

[3.3.4] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, HĐXX thấy rằng kháng cáo của các bị cáo và ý kiến của các luật sư bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ.

Những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và sai lầm trong việc áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, HĐXX thấy cần huỷ bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Văn V để điều tra, xét xử lại theo đúng qui định của pháp luật

[3.3.5] Ý kiến của vị đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên toà phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần chấp nhận.

[3.4] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị huỷ nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo M và bị cáo V sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 BLTTHS

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M và bị cáo Nguyễn Văn V, huỷ một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2025/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M và bị cáo Nguyễn Văn V để điều tra lại.

2. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tỉnh Đắk Lắk để điều tra lại vụ án đối với các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M và bị cáo Nguyễn Văn V theo quy định của pháp luật.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- CQ THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Anh Dũng**